

Số: /KH-UBND

Hoa Lư, ngày tháng 4 năm 2022

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo huyện Hoa Lư giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 14/3/2022 của UBND tỉnh Ninh Bình về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030; UBND huyện Hoa Lư ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 (gọi tắt là Kế hoạch), cụ thể như sau:

PHẦN I TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG CNTT TRONG NGÀNH GD&ĐT GIAI ĐOẠN 2016-2021

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Nhân lực để ứng dụng và phát triển CNTT

- Trên địa bàn huyện Hoa Lư hiện nay có Phòng Giáo dục và Đào tạo, 11 trường Mầm non (MN), 11 trường Tiểu học (TH), 11 trường Trung học cơ sở (THCS) với 520 lớp, nhóm lớp; 15.896 trẻ mầm non, học sinh và 1.016 cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Ngành GD&ĐT đã thường xuyên chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện, triển khai nhiệm vụ đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong nhà trường. Ngành đã cử cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp tập huấn, chương trình đào tạo về CNTT do Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, các ban ngành tổ chức như: Hội thảo về Chính phủ điện tử và tập huấn công nghệ thiết kế bài giảng E-Learning; lớp bồi dưỡng về an toàn, an ninh thông tin; tập huấn sử dụng phần mềm cơ sở dữ liệu mầm non và phổ thông; tập huấn nội dung học trực tuyến E-learning cấp học mầm non; bồi dưỡng trực tuyến thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên tiểu học;... Đến nay, 100% các cơ sở giáo dục trong huyện đã có cán bộ, giáo viên phụ trách hoặc kiêm nhiệm việc ứng dụng CNTT tại đơn vị. Cán bộ, giáo viên, nhân viên trong toàn ngành GD&ĐT đã được tập huấn, kiểm tra sử dụng tốt các phần mềm tin học văn phòng và được cấp các chứng chỉ, bằng Trung cấp, Cao đẳng, Đại học về Tin học; 33/33 đơn vị đã được cấp và sử dụng thường xuyên chữ ký số, phục vụ công tác quản lý.

2. Phát triển hạ tầng CNTT

- Các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện luôn được Huyện ủy, HĐND, UBND huyện, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm, chỉ đạo, tăng

cường công tác đầu tư, nâng cấp hạ tầng về CNTT. Đến nay, 100% các cơ sở giáo dục trong ngành có máy tính kết nối Internet - đường truyền tốc độ cao; 100% các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện lắp đặt hệ thống camera giám sát hỗ trợ công tác quản lý.

- Cơ bản, hạ tầng kỹ thuật của các cơ sở giáo dục trong huyện đã đáp ứng được nhu cầu triển khai ứng dụng, sử dụng các hệ thống thông tin, phần mềm phục vụ quản lý, dạy và học.

3. Triển khai ứng dụng các hệ thống thông tin, các phần mềm

3.1. Triển khai các hệ thống thông tin trong công tác quản lý

a. Triển khai hệ thống thông tin do Bộ GD&ĐT xây dựng và phát triển

- Hệ thống CSDL ngành được triển khai từ năm 2019 tại địa chỉ <http://csdl.moet.gov.vn> đã triển khai tới 100% các cơ sở giáo dục. Hệ thống được cấp liên thông từ cấp cơ sở đến cấp Phòng, Sở và Bộ GD&ĐT; hệ thống có khả năng kết nối, đồng bộ dữ liệu với các hệ thống thông tin khác trong ngành, cũng như của tỉnh, bộ ngành khác ở thời điểm hiện tại hoặc trong tương lai. Đến nay, 100% các cơ sở giáo dục đã cập nhật các thông tin về đơn vị, quy mô trường, lớp, giáo viên, học sinh, cơ sở vật chất trên hệ thống theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Nguồn dữ liệu trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành đã phục vụ tốt cho công tác báo cáo, chỉ đạo, điều hành của Phòng và các cơ sở giáo dục trong ngành.

b. Triển khai hệ thống thông tin do UBND huyện chỉ đạo

Hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPT – iOffice: việc trao đổi, xử lý thông tin 2 chiều từ Phòng GD&ĐT đến các trường MN, TH, THCS và ngược lại; việc sử dụng chữ ký số tại Phòng GD&ĐT, các đơn vị trực thuộc đã trở thành quy định sử dụng thường xuyên. Văn bản chỉ đạo của các cơ quan quản lý giáo dục (trừ văn bản Mật theo quy định) đều được gửi qua hệ thống quản lý văn bản và cập nhật hàng ngày.

c. Triển khai hệ thống thông tin liên quan đến lĩnh vực GD&ĐT

- Hệ thống quản lý CSDL ngành từ cấp trường đến Phòng GD&ĐT cho phép cán bộ, giáo viên cập nhật hồ sơ học sinh, quản lý luân chuyển học sinh, quản lý số điểm cá nhân, tự động tính điểm tổng kết, xếp loại học sinh, xếp loại lớp,... Cho phép cán bộ quản lý nhà trường: Quản lý hồ sơ cán bộ, giáo viên, quản lý phân công giảng dạy, dạy thay, công tác kiêm nhiệm,..., cho phép giáo viên trong trường gửi, nhận các thông báo nội bộ; cho phép nhà trường gửi tin nhắn liên lạc đến phụ huynh học sinh như: thông báo họp phụ huynh, thông báo nghỉ học, thông báo điểm, thông báo kết quả rèn luyện,...; có thể đồng bộ với hệ thống CSDL ngành <http://csdl.moet.gov.vn> (do Bộ GD&ĐT quản lý).

- Các trường MN, TH, THCS trên địa bàn huyện có website; phần mềm quản lý cán bộ, tra cứu điểm thi, phần mềm kế toán,... hoạt động hiệu quả.

- Các hệ thống thông tin, phần mềm đã hỗ trợ tích cực cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện cũng như người dân trong công tác quản lý, dạy và học, khai thác thông tin, là cơ sở quan trọng góp phần thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

3.2. Triển khai các phần mềm, hệ thống thông tin trong công tác dạy học

- Triển khai, ứng dụng hiệu quả các phần mềm như: phần mềm trình chiếu Power Point, phần mềm soạn bài giảng E-learning, soạn câu hỏi trắc nghiệm trực

tuyển, phần mềm mô phỏng, thí nghiệm ảo, phần mềm quản lý bài giảng trong công tác giảng dạy.

- Các cơ sở giáo dục tích cực, chủ động chỉ đạo giáo viên giữ mối liên hệ chặt chẽ với học sinh, hướng dẫn học sinh tự ôn tập bài ở nhà thông qua ứng dụng CNTT, sử dụng hiệu quả các thiết bị điện tử và mạng Internet các phần mềm dạy học trực tuyến như: Zoom, Google Meet, Microsoft Teams, VnEdu LMS, ViettelStudy.

- Các cơ sở giáo dục đã sử dụng hiệu quả các phương thức liên lạc với phụ huynh, học sinh, giữa cán bộ quản lý với giáo viên, giáo viên với giáo viên, giữa các cơ sở giáo dục với nhau,... thông qua việc lập nhóm zalo, facebook của lớp, của phụ huynh học sinh trong lớp, nhắn tin điện thoại di động, gửi bài qua E-mail, phần mềm quản lý học sinh trực tuyến, dạy và học trực tuyến. Nhiều đơn vị chỉ đạo giáo viên xây dựng đề cương hướng dẫn ôn tập và giao bài tập cho học sinh tự làm ở nhà, gửi trực tiếp cho phụ huynh đến thôn xóm trên địa bàn.

- Trong thời gian dịch Covid-19 diễn biến phức tạp đa số các cuộc họp, các lớp bồi dưỡng cán bộ, giáo viên trong ngành được tổ chức trực tuyến góp phần quan trọng trong công tác phòng, chống dịch; giảm chi phí tổ chức; mở rộng đối tượng tham gia; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính.

4. Đảm bảo an toàn thông tin

- Những năm gần đây, trên cơ sở chỉ đạo của UBND huyện, Sở GD&ĐT; các đơn vị nhà trường đã liên tục cập nhật theo dõi, phát hiện xử lý kịp thời các lỗi do virus, mã độc tấn công vào hệ thống máy tính tại đơn vị.

- Thường xuyên đẩy mạnh tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh kỹ năng nhận biết, phòng tránh các nguy cơ gây mất an toàn thông tin đối với các thiết bị CNTT cá nhân như điện thoại thông minh, máy tính, máy tính bảng; quan tâm nâng cấp phần cứng, phần mềm; cài đặt các chương trình diệt virus có bản quyền, tường lửa để ngăn chặn, làm giảm các nguy cơ mất an toàn thông tin trong hệ thống mạng nội bộ. Có kế hoạch cô lập, xử lý triệt để các máy tính bị nhiễm virus.

- Các đơn vị thường xuyên rà soát và cập nhật các bản vá lỗi đối với Hệ thống sử dụng Hệ điều hành Windows; cập nhật phiên bản mới nhất của chương trình diệt virus để phát hiện và xử lý các mã thực thi do tin tặc tấn công vào hệ thống; trang bị các hệ thống phòng chống tấn công mạng như IPS/IDS, Firewall... theo văn bản chỉ đạo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

5. Kinh phí đầu tư CNTT những năm gần đây

Trong giai đoạn 2016-2021, được sự quan tâm của Huyện uỷ, HĐND, UBND huyện, các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, bằng cách huy động từ nhiều nguồn kinh phí hợp pháp; UBND huyện đã dành nguồn kinh phí đáng kể cho ngành GD&ĐT để đầu tư nâng cấp, mua sắm về CNTT như: máy vi tính, máy chiếu, màn chiếu, máy chiếu vật thể, máy vi tính xách tay, máy in, camera, trang bị cho các cơ sở giáo dục trong huyện. Các thiết bị được trang bị cơ bản mới đáp ứng yêu cầu tối thiểu cho làm việc, quản lý và điều hành của cán bộ, giáo viên, nhân viên và người lao động tại cơ sở giáo dục.

II. KHÓ KHĂN

1. Về nhận thức

Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật; sáng tạo, đổi mới phương pháp quản lý, dạy học trong một bộ phận nhỏ cán bộ, giáo viên, nhân viên còn hình thức, đối phó. Tình trạng triển khai chuyên đổi số, ứng dụng CNTT, đổi mới phương pháp còn rời rạc, cục bộ ở từng đơn vị.

2. Về hạ tầng CNTT

- Việc đầu tư mua sắm máy vi tính và các thiết bị khác trang bị phòng dạy môn Tin học còn hạn chế. Việc đầu tư cho CNTT chưa đáp ứng cho việc dạy và học môn Tin học.

- Hạ tầng CNTT tại các cơ sở giáo dục đã và đang được đầu tư, nhưng vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu thực tế, hiệu quả đạt được chưa cao. Hầu hết các thiết bị CNTT cũ, đã khấu hao hết giá trị, thiếu đồng bộ, xuống cấp, cụ thể:

+ Thiếu phòng học Tin học, thiếu máy tính (đặc biệt ở các cấp học TH, THCS).

+ Nhiều máy tính đã cũ, hỏng, chưa được nâng cấp, sửa chữa.

+ Thiếu các thiết bị hỗ trợ quản lý và dạy học như: Camera, máy quét, bảng thông minh,...

3. Nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực có chất lượng về khoa học, công nghệ nói chung, CNTT nói riêng trong ngành còn thiếu và yếu. Đa số cơ sở giáo dục chưa bố trí biên chế phụ trách công CNTT (chủ yếu kiêm nhiệm) nên ảnh hưởng đến sự phát triển ứng dụng, vận hành hệ thống ứng dụng, chuyên đổi số của đơn vị.

4. Kinh phí

Nhu cầu đầu tư cho ứng dụng khoa học, công nghệ trong ngành những năm gần đây khá lớn. Hạ tầng CNTT đầu tư đã lâu, xuống cấp. Kinh phí để sửa chữa, nâng cấp hoặc thay thế không đáp ứng nhu cầu sử dụng tại các cơ sở giáo dục. Nguồn kinh phí mua sắm, sửa chữa phần cứng; xây dựng, nâng cấp các phần mềm của các cơ sở giáo dục toàn ngành trong từng năm học còn hạn chế. Hạn chế về kinh phí làm cho việc triển khai các giải pháp chuyên đổi số, ứng dụng CNTT trong giáo dục thiếu đồng bộ, hiệu quả chưa cao.

PHẦN II NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 26/7/2021 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 20/4/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng Chính quyền điện tử, chuyên đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030.

- Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 18/3/2021 về ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền điện tử, chuyên đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng huyện Hoa Lư năm 2021.

- Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 về việc thành lập Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử, chuyên đổi số huyện Hoa Lư.

- Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 13/9/2021 về triển khai thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, gắn với chuyển đổi số trong hoạt động cung cấp dịch vụ công trên địa bàn huyện Hoa Lư.

- Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 22/02/2022 của UBND tỉnh Ninh Bình về phát triển chính quyền số, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng tỉnh Ninh Bình năm 2022

- Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 02/3/2022 của UBND huyện Hoa Lư về phát triển chính quyền số, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng huyện Hoa Lư năm 2022.

- Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 14/3/2022 của UBND tỉnh Ninh Bình về Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số tạo đột phá trong đổi mới hoạt động GD&ĐT; đổi mới quản lý nhà nước trong lĩnh vực GD&ĐT; tác động tích cực, toàn diện tới phương thức hoạt động, chất lượng, hiệu quả và công bằng trong giáo dục.

2. Người học và nhà giáo là trung tâm của quá trình chuyển đổi số; lợi ích mang lại cho người học, đội ngũ nhà giáo và người dân là thước đo chủ yếu đánh giá mức độ thành công của chuyển đổi số.

3. Chuyển đổi số trong GD&ĐT cần có sự thay đổi nhận thức mạnh mẽ, sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp quản lý, sự chủ động, tích cực của các cơ sở giáo dục và sự ủng hộ, tham gia của mỗi người học, mỗi nhà giáo và toàn xã hội.

4. Chuyển đổi số trong GD&ĐT phải được thiết kế đồng bộ, bao quát, có hệ thống trong tổng thể Chương trình chuyển đổi số của ngành, của huyện, của tỉnh, của quốc gia; được triển khai từng bước có trọng tâm, trọng điểm, đạt hiệu quả cao trong từng giai đoạn, nhất là trong giai đoạn thực hiện chủ trương thích ứng an toàn, linh hoạt và kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 và Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 12/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 02/3/2022 của UBND huyện Hoa Lư về phát triển chính quyền số, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng huyện Hoa Lư năm 2022.

- Tận dụng tiến bộ công nghệ thúc đẩy mạnh mẽ đổi mới sáng tạo trong quản lý, dạy và học tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng trong các cơ sở giáo dục; hình thành nền tảng số để xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội tiếp cận giáo dục chất lượng tốt với chi phí thấp cho mọi người dân góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, tái cấu trúc hạ tầng CNTT, chuyển đổi hạ tầng CNTT thành hạ tầng số, phát triển nền tảng số để phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định, hiệu quả.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2025

a. Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hằng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học

- 100% trường MN, TH, THCS được tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết để tham gia môi trường mạng an toàn.

- 50% học sinh trở lên; 100% giáo viên có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

- Về môi trường giáo dục trực tuyến:

- + Sử dụng một số nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm trong nước, được trên 50% học sinh sử dụng.

- + Hình thành kho học liệu trực tuyến của huyện đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông.

- Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến:

- + Nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình từ 5% ở bậc tiểu học, từ 10% ở bậc trung học.

b. Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành dựa trên công nghệ và dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng cung cấp dịch vụ hỗ trợ của Nhà nước và các cơ sở giáo dục

- Về quản trị nhà trường: 100% cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó:

- + 100% người học, 100% nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn quốc.

- + 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.

- Về quản lý giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý toàn ngành giáo dục được thiết lập và vận hành hiệu quả, trong đó:

- + Cơ sở dữ liệu toàn ngành được kết nối thông suốt với tất cả các cơ sở giáo dục trong huyện, với tỉnh, với Bộ GD&ĐT đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy, kịp thời; được kết nối, chia sẻ hiệu quả với các cơ sở dữ liệu quốc gia.

- + Các cơ quan quản lý giáo dục từ huyện đến địa phương được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số, 80% hồ sơ công việc tại cấp phòng được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Về dịch vụ hỗ trợ cá nhân, tổ chức:

- + 100% TTHC đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (hoặc mức độ 3 nếu không phát sinh thanh toán).

- + Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 70%.

- + Tỷ lệ người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục đạt từ 80% trở lên.

- + Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của cơ quan quản lý giáo dục đạt từ 90% trở lên.

2.2. Mục tiêu đến năm 2030

- 100% hồ sơ công việc tại cấp phòng được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).
- Tỷ lệ hồ sơ được giải quyết trực tuyến mức độ 4 trên tổng số hồ sơ đạt từ 80% trở lên.
- Kết nối, đóng góp bài giảng với kho học liệu số quốc gia để hỗ trợ 100% người học, nhà giáo tham gia hiệu quả hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông.
- 100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành và liên thông với các cơ sở dữ liệu, thông tin của quốc gia, của tỉnh.

IV. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GD&ĐT

a. Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GD&ĐT; triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hoá, đảm bảo an toàn các hoạt động dạy-học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây; đảm bảo kết nối internet cấp quang đến tất cả các cơ sở giáo dục.

b. Hình thành, phát triển hệ thống phòng học tương tác thông minh, phòng thí nghiệm/thực hành (Lab) hiện đại, ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR).

2. Triển khai đồng bộ hệ thống thông tin quản lý GD&ĐT và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục

a. Đổi mới mô hình, quy trình quản lý, cải cách mạnh mẽ TTHC

- Rà soát, cắt giảm, đơn giản các TTHC, quy trình nghiệp vụ theo hướng ứng dụng hiệu quả công nghệ số.

- Triển khai cung cấp, mở rộng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên cổng dịch vụ công của huyện, của tỉnh và quốc gia.

- Thử nghiệm nền tảng dùng chung giải quyết một số TTHC không dùng giấy tờ trong ngành giáo dục dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

b. Xây dựng CSDL và hệ thống thông tin quản lý GD&ĐT

- Xây dựng, hoàn thiện CSDL đảm bảo phục vụ tất cả các cơ quan quản lý giáo dục; cập nhật, hoàn thiện CSDL lớn của ngành theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

- Triển khai hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, phòng giáo dục, sở giáo dục đến Sở GD&ĐT. Kết nối dữ liệu giữa ngành giáo dục với các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành, CSDL của huyện phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục.

- Phát triển các trung tâm điều hành, giám sát thông tin ở cơ quan quản lý giáo dục và trường học, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn hỗ trợ hoạt động quản lý giáo dục.

c. Phát triển các ứng dụng, nền tảng số phục vụ quản trị các cơ sở giáo dục

- Triển khai các nền tảng quản trị nhà trường thích hợp không gian làm việc số đến 100% cơ sở giáo dục nhằm tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến

cho cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên và người học; đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ cơ sở giáo dục với hệ thống CSDL toàn quốc của ngành giáo dục.

- Trên nền tảng CSDL, triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa nhà trường với gia đình, thanh toán không dùng tiền mặt, truyền thông và kết nối với các nền tảng trong và ngoài ngành giáo dục; triển khai các mô hình quản trị nhà trường tiên tiến trên nền tảng số đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

d. Xây dựng môi trường số kết nối

- Triển khai nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu của ngành giáo dục kết nối với trực tích hợp, liên thông dữ liệu quốc gia và của tỉnh; triển khai nền tảng quản lý mã định danh, xác thực người dùng trên môi trường số của ngành giáo dục.

- Ứng dụng công nghệ internet trong số hoá. Giám sát, quản lý và khai thác các nguồn lực, đối tượng và hoạt động giáo dục trong nhà trường. Đảm bảo kết nối thời gian thực với hệ thống thông tin quản trị nhà trường.

3. Phát triển hệ sinh thái chuyển đổi số trong hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học

a. Đổi mới mô hình dạy-học

Triển khai, thí điểm triển khai các mô hình dạy-học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng dạy-học kết hợp (lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học với trợ lý ảo) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

b. Phát triển kho học liệu số chia sẻ dùng chung

- Phát triển các kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành, gồm: bài giảng điện tử, bài giảng dạy trên truyền hình, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho tất cả các môn học của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thư viện điện tử trong các cơ sở giáo dục phổ thông.

4. Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức; đào tạo, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người học

a. Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong GD&ĐT đến toàn thể đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người học trong ngành giáo dục và xã hội.

b. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong ngành giáo dục; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu.

c. Triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học-công nghệ-kỹ thuật-toán học và nghệ thuật, kinh doanh, doanh nghiệp (giáo dục STEAM /STEAME), phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về Khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các

nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành kỹ năng cần thiết cho công dân số.

5. Huy động các nguồn lực tham gia ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GD&ĐT

- Đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức, hiệp hội về CNTT để giới thiệu các giải pháp công nghệ tiên tiến về công nghệ giáo dục và chuyển đổi số trong lĩnh vực GD&ĐT.

- Tăng cường công tác xã hội hóa để đầu tư các nền tảng số, ứng dụng CNTT trong GD&ĐT. Ưu tiên phát triển ngân hàng câu hỏi trực tuyến, hệ thống học tập trực tuyến, kho học liệu số dùng chung, CSDL ngành giáo dục.

6. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GD&ĐT.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí trong ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành; lồng ghép với các chương trình, kế hoạch khác có liên quan; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành của huyện tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với phòng Văn hóa-Thông tin và các cơ quan, đơn vị liên quan đảm bảo việc kết nối hệ sinh thái chuyển đổi số hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

- Hướng dẫn các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch ở quy mô đơn vị, theo phân cấp quản lý.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện ở các cơ quan, đơn vị trong ngành GD&ĐT; định kỳ hàng năm báo cáo UBND huyện.

2. Phòng Văn hóa-Thông tin

Chủ trì tham mưu về công tác tuyên truyền thực hiện Kế hoạch.

3. Văn phòng HĐND-UBND

Đăng ký, cấp chữ ký số của Ban Cơ yếu Chính phủ cho đội ngũ cán bộ quản lý ngành giáo dục.

4. Phòng Tài chính-Kế hoạch

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND huyện bố trí các nguồn vốn đầu tư cho các dự án, chương trình ứng dụng CNTT, xây dựng Chính quyền điện tử, chuyển đổi số trên địa bàn huyện. Thẩm định, tham mưu cho UBND huyện bố trí kinh phí cho các phòng, ban, đơn vị để thực hiện Kế hoạch theo quy định hiện hành.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đơn vị trong việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

5. Phòng Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Phòng GD&ĐT tham mưu UBND huyện thực hiện việc tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ chuyên trách Tin học theo quy định.

6. Phòng Kinh tế - Hạ tầng

Chủ trì, phối hợp với Phòng GD&ĐT huyện trong việc tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4; nghiên cứu, lựa chọn, đưa vào áp dụng thử nghiệm các giải pháp mới về CNTT, chuyển đổi số phục vụ công tác giáo dục.

7. Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn

- Xây dựng Kế hoạch triển khai chuyển đổi số trong lĩnh vực GD&ĐT giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 thuộc UBND xã, thị trấn.

- Phối hợp chặt chẽ với Phòng GD&ĐT và các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch, đảm bảo tính thống nhất giữa ngành với địa phương và của huyện.

- Trong kế hoạch ngân sách hằng năm của các địa phương phải bao gồm mục chi cho kế hoạch tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số về GD&ĐT của địa phương.

- Tích cực huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị CNTT các nhà trường một cách đồng bộ;

- Hằng năm, tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch tại các cơ sở giáo dục; tổ chức đánh giá sơ kết, tổng kết theo hướng dẫn để báo cáo UBND huyện.

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch; UBND huyện yêu cầu các phòng, ban, ngành, địa phương; đơn vị, các tổ chức liên quan triển khai thực hiện. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời gửi phản ánh, kiến nghị báo cáo UBND huyện (qua Phòng GD&ĐT) xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Huyện ủy;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành của huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Trang Thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Quang Minh